

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm 2024

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Tiểu học Đông Mai
2. Địa chỉ trụ sở chính: Khu Trại Cọ - Phường Đông Mai - Thị xã Quảng Yên - Tỉnh Quảng Ninh

Điện thoại: 0328631325

Địa chỉ thư điện tử: c1dongmai@pgdquangyen.edu.vn

Cổng thông tin điện tử: <http://quangyen.quangninh.edu.vn/trang-web-cac-truong.aspx>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục: Trường công lập
4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

4.1. Sứ mệnh: Tạo dựng môi trường giáo dục thân thiện, năng động, sáng tạo để mỗi học sinh phát triển tối đa khả năng của bản thân đáp ứng yêu cầu đổi mới của giáo dục, của đất nước.

4.2. Tầm nhìn: Trở thành một ngôi trường có chất lượng cao là trung tâm văn hoá giáo dục của địa phương, là địa chỉ tin cậy để phụ huynh gửi gắm con em mình, nơi giáo viên và học sinh luôn năng động sáng tạo và vươn tới thành công.

4.3. Mục tiêu:

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác quản lý; khai thác hợp lý, triệt để các nguồn lực được đầu tư để nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục. Gắn quản lý giỏi với dạy tốt và học tốt.

- Thực hiện bảo đảm chất lượng, hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông 2018

- Xây dựng thương hiệu nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại. Phấn đấu đạt Trường Chuẩn Quốc gia mức 1.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường TH Đông Mai được thành lập từ tháng 8/1995 tiền thân là trường PTCS Đông Mai đến năm 1996 tách ra thành 2 trường; trường TH Đông Mai và trường THCS Đông Mai, trải qua 28 năm thành lập, xuất phát có 4 điểm trường, đến nay trường có 3 điểm trường. Trong những năm qua nhà trường liên tục đạt danh hiệu tập thể LĐTT, tiên tiến xuất sắc, được UBND thị xã tặng giấy khen, UBND Tỉnh tặng bằng khen. Năm học 2020 – 2021 nhà trường là đơn vị dẫn đầu khối các

trường tiểu học của thị xã Quảng Yên và được nhận cờ thi đua, với nhiều thành tích vượt trội trong công tác dạy học. Năm học 2023 – 2024 trường được nhận giấy khen của SGD&ĐT.

Cả 3 điểm trường đều có vị trí thuận tiện, phù hợp với điều kiện địa lý và khoảng cách phù hợp cho con em nhân dân trên địa bàn phường đến trường. Cảnh quan môi trường an toàn, thân thiện, xanh - sạch - đẹp, đảm bảo an ninh trật tự, là điểm trường được phụ huynh tin tưởng, thu hút được đông đảo học sinh theo học.

Nhà trường đã phấn đấu không ngừng hoàn thành Chỉ thị, nhiệm vụ của từng năm học. Trong những năm vừa qua trường Tiểu học Đông Mai đã và đang chuyển mình mạnh mẽ trong công cuộc đổi mới cùng đất nước với nhiều thử thách, khó khăn nhưng cũng rất nhiều thuận lợi. Nhà trường đang từng bước phát triển bền vững ngày càng trưởng thành, đã, đang và sẽ trở thành một nhà trường có chất lượng giáo dục tốt, một địa chỉ tin cậy của nhân dân trên địa bàn phường Đông Mai và các vùng lân cận.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm:

Họ và tên: Nguyễn Thị Quảng Trang

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Khu Trại Cọ - Phường Đông Mai - Thị xã Quảng Yên - Tỉnh Quảng Ninh

Số điện thoại: 0328631325

Địa chỉ thư điện tử:

nguyenthiquangtrang.c1dongmai@pgdquangyen.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập của cơ sở giáo dục: Văn bản số 1860/UBND GD ngày 16/11/2016 của Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên V/v xác nhận các đơn vị thuộc ngành GD đã được thành lập và đang hoạt động trên địa bàn thị xã.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách tĐMnh viên hội đồng trường:

Quyết định số 5488/QĐ-UBND ngày 10/09/2024 của Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên về việc kiện toàn Hội đồng trường trường Tiểu học Đông Mai nhiệm kỳ 2021 – 2026.

Danh sách thành viên hội đồng trường

1. Bà Nguyễn Thị Quảng Trang	Bí thư Chi bộ - Hiệu trưởng;
2. Bà Vũ Thị Bích Nguyệt	Chủ tịch CĐ - P. Hiệu trưởng;
3. Bà Trần Thị Yến	Trưởng Ban TTND;
4. Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh;
5. Bà Phạm Thị Thảo	Tổ trưởng Tổ 1;
6. Vũ Thị Bình An	Tổ trưởng Tổ 2,3;
7. Ông Đồng Văn Hưng	Tổ trưởng Tổ 4,5;

8. Bà Phan Thị Thắm
 9. Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai
 10. Bà Đinh Thị Thuận
 11. Ông Phạm Thanh Quảng

Tổ trưởng tổ văn phòng;
 Tổng phụ trách Đội;
 PCT UBND phường Đông Mai
 Trưởng ban Đại diện CMHS

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục:

- Quyết định số 13907/QĐ-UBND ngày 21/11/2023 của Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên vv điều động và bổ nhiệm chức vụ Hiệu trưởng Trường Tiểu học Đông Mai.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;

- Cơ cấu tổ chức nhà trường gồm: hội đồng trường; hiệu trưởng và phó hiệu trưởng; hội đồng thi đua khen thưởng; hội đồng kỉ luật; hội đồng tư vấn; tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam; tổ chức Công đoàn; tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; tổ chức Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh; các tổ chuyên môn; tổ văn phòng; lớp học sinh.

+ Hội đồng trường: là tổ chức chịu trách nhiệm quyết định về phương hướng hoạt động của nhà trường, huy động và giám sát việc sử dụng các nguồn lực dành cho nhà trường, gắn nhà trường với cộng đồng và xã hội, đảm bảo thực hiện mục tiêu giáo dục. Hội đồng trường gồm: đại diện tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng, đại diện Công đoàn, đại diện Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Tổng phụ trách Đội, đại diện các tổ chuyên môn, đại diện tổ văn phòng. Hội đồng trường có chủ tịch, thư kí và các thành viên khác. Số lượng thành viên của Hội đồng trường 11 người.

+ Hiệu trưởng: là người chịu trách nhiệm tổ chức, quản lí các hoạt động và chất lượng giáo dục của nhà trường; đạt chuẩn hiệu trưởng trường tiểu học.

Sau mỗi năm học, mỗi nhiệm kì công tác, Hiệu trưởng được cán bộ, giáo viên trong trường và cấp có thẩm quyền đánh giá về công tác quản lí các hoạt động và chất lượng giáo dục của nhà trường theo quy định.

+ Phó Hiệu trưởng: là người giúp việc cho Hiệu trưởng và chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng. Nhà trường có 1 Phó Hiệu trưởng, có năng lực đảm nhiệm các nhiệm vụ do Hiệu trưởng phân công.

+ Hội đồng thi đua khen thưởng: do Hiệu trưởng thành lập vào đầu mỗi năm học. Hiệu trưởng là Chủ tịch hội đồng thi đua khen thưởng. Các thành viên của hội đồng gồm: Phó Hiệu trưởng, Bí thư Chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Tổng phụ trách Đội, các giáo viên chủ nhiệm lớp, tổ trưởng tổ chuyên môn, tổ trưởng tổ văn phòng.

+ Hội đồng kỉ luật: Hội đồng kỉ luật được thành lập để xét hoặc xóa kỉ luật đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên theo từng vụ việc. Việc thành lập, thành phần và

hoạt động của hội đồng kỉ luật được thực hiện theo quy định của pháp luật.

+ Hội đồng tư vấn: Hiệu trưởng thành lập các hội đồng tư vấn để tư vấn giúp hiệu trưởng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình trong hoạt động quản lý và chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ. Nhiệm vụ, quyền hạn, thành phần và thời gian hoạt động của các hội đồng tư vấn do hiệu trưởng quy định.

+ Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và đoàn thể trong trường Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong trường tiểu học lãnh đạo nhà trường và hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật. Tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, Sao Nhi đồng Hồ Chí Minh và các tổ chức xã hội khác hoạt động trong trường tiểu học theo quy định của pháp luật nhằm giúp nhà trường thực hiện mục tiêu, nguyên lí giáo dục.

+ Tổ chuyên môn: bao gồm giáo viên văn hóa, giáo viên bộ môn. Có 3 tổ chuyên môn: Tổ 1, Tổ 2,3 và tổ 4,5

+ Tổ văn phòng: Nhà trường có một tổ văn phòng gồm các viên chức làm công tác y tế trường học, thiết bị thư viện, kế toán và nhân viên khác.

+ Lớp, học sinh: Học sinh được tổ chức theo lớp học với 24 lớp/711 học sinh. Lớp học có lớp trưởng, một hoặc hai lớp phó do tập thể học sinh bầu hoặc do giáo viên chủ nhiệm lớp chỉ định luân phiên trong năm học. Mỗi lớp học có một giáo viên chủ nhiệm phụ trách giảng dạy một hoặc nhiều môn học. Biên chế giáo viên một lớp theo quy định hiện hành của Nhà nước. Mỗi lớp học được chia thành các tổ học sinh. Mỗi tổ có tổ trưởng, tổ phó do học sinh trong tổ bầu hoặc do giáo viên chủ nhiệm lớp chỉ định luân phiên trong năm học.

- Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của trường tiểu học được quy định tại Điều 3 Điều lệ ban hành kèm theo Thông tư 28/2020/TT-BGDĐT, cụ thể như sau:

+ Công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục; tổ chức giảng dạy, học tập và hoạt động giáo dục đạt chất lượng đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

+ Thực hiện giáo dục bắt buộc, phổ cập giáo dục và xóa mù chữ tại địa bàn. Huy động trẻ em đi học đúng độ tuổi, vận động và tạo điều kiện cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đến trường. Nhận bảo trợ và quản lý các hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo sự phân công của cấp có thẩm quyền.

+ Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

+ Triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; thực hiện lựa chọn sách giáo khoa theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; triển khai thực hiện sách giáo khoa và nội dung giáo dục của địa phương theo quyết định của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc

Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh); thực hiện tự chủ chuyên môn trong tổ chức các hoạt động giáo dục tại trường tiểu học

+ Thực hiện tự kiểm định chất lượng và đảm bảo chất lượng giáo dục theo quy định.

+ Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

+ Quản lý và sử dụng đất, tài chính và tài sản của nhà trường theo quy định của pháp luật.

+ Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ hoặc người giám hộ học sinh, các tổ chức và cá nhân trong cộng đồng thực hiện các hoạt động giáo dục. Tổ chức cho giáo viên, người lao động và học sinh tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương.

+ Xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục trong nhà trường, tham gia xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục ở địa phương.

+ Được tiếp nhận các khoản tài trợ, viện trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với nhà trường theo quy định của pháp luật.

+ Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có);

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của cơ sở giáo dục (nếu có).

Họ và tên: Nguyễn Thị Quảng Trang

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Khu Trại Cọ - Phường Đông Mai - Thị xã Quảng Yên - Tỉnh Quảng Ninh

Số điện thoại: 0328631325

Địa chỉ thư điện tử:

nguyenthiquangtrang.c1dongmai@pgdquangyen.edu.vn

5. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

- Kế hoạch số 262b/KH-THĐM ngày 20/9/2024 Điều chỉnh kế hoạch chiến lược phát triển Trường Tiểu học Đông Mai giai đoạn 2021 - 2026.

- Nghị quyết Kỳ họp thứ nhất của Hội đồng trường năm học 2024- 2025.

- Nghị quyết Hội nghị cán bộ, viên chức, người lao động năm học 2024-2025.

- Quyết định số 282e/QĐ-THĐM ngày 01/10/2024 vv ban hành quy chế

chuyên môn.

- Quyết định số 282m/QĐ-THĐM ngày 01/10/2024 vv ban hành quy chế làm việc của nhà trường năm học 2024-2025.

- Quyết định số 282b/QĐ-THĐM ngày 01/10/2024 vv ban hành quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường năm học 2024-2025.

- Quyết định số 228/QĐ-THĐM ngày 05/8/2024 vv ban hành quy chế quản lý, sử dụng thiết bị giáo dục trong nhà trường năm học 2024-2025.

- Quyết định số 282i/QĐ-THĐM ngày 01/10/2024 vv ban hành quy chế tiếp công dân.

- Quyết định số 282g/QĐ-THĐM ngày 01/10/2024 vv ban hành quy tắc ứng xử trong nhà trường.

- Quyết định số 282d/QĐ-THĐM ngày 01/10/2024 vv ban hành quy chế quản lý và sử dụng tài sản công.

- Quyết định số 282f/QĐ-THĐM ngày 01/10/2024 vv ban hành quy chế thi đua- khen thưởng năm học 2024-2025.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên

a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo.

	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Ghi chú
Hiệu trưởng		01			
Phó HT		01			
Giáo viên		36	03		
Nhân viên		03	01	01	
Tổng		41	4	01	

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý, đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định:

	Tổng số	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
		SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%
CBQL	02	02	100						
Giáo viên	34	18	52.9	16	47.1				

c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định:

Tổng số	Kết quả đạt được của các chương trình BDTX					
	Chương trình BD 1		Chương trình BD 2		Chương trình BD 3	
	SL	XL Đạt	SL	XL Đạt	SL	XL Đạt
CBQL	02/02	100%	02/02	100%	02/02	100%

Giáo viên	34/34	100%	34/34	100%	34/34	100%
-----------	-------	------	-------	------	-------	------

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung:

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Trường Tiểu học Đông Mai được UBND tỉnh Quảng Ninh bàn giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khu trung tâm (Trại Cọ) số CD919900 ngày 30/12/2016 của GD Sở TNMT tỉnh Quảng Ninh với diện tích là 7911.5m². Diện tích đất đạt bình quân 14.13m² cho một học sinh đảm bảo theo quy định tại Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo “Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học”. Trường được xây dựng trên khu đất phù hợp với quy hoạch được phê duyệt, bằng phẳng, thoát nước tốt, thuận tiện về an toàn giao thông, đảm bảo các quy định về an toàn và vệ sinh môi trường.

Khuôn viên có nhiều cây xanh bóng mát, đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục. Quang cảnh nhà trường được trang trí đẹp, thân thiện gần gũi với học sinh. Sân chơi, sân tập bằng phẳng, có cây bóng mát.

b) Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Loại phòng	Trung tâm		Trại Thành		Mai Hòa	
	Số lg	DTích /phòng	Số lg	DTích /phòng	Số lg	DTích /phòng
Phòng học	17	49	5	42	2	42
Thư viện	1	98	0		0	
Thiết bị	1	25	0		0	
Y tế	1	25				
Phòng tư vấn học đường	1	25	0		0	
P. Tiếng Anh	0	0	0		0	
P. Nghệ thuật	0	0	0		0	
P. Tin học	1	49	0		0	
P, Hội trường	1	120	0		0	
Truyền thống	1	25				
Hiệu trưởng	1	25				
P. HT	2	25				

Phòng Đội	1	25				
Kế toán	1	25				
Vệ sinh GV	4	12	0		0	
Vệ sinh học sinh	2	25	2	12	1	12
Bảo vệ	1	12	0		0	

Các phòng học khu trung tâm được xây dựng kiên cố đúng quy cách, phòng học điểm trường lẻ là dạng cấp 4, tất cả các phòng học đều có đủ hệ thống quạt, hệ thống đèn, ánh sáng, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông, an toàn cho giáo viên và học sinh theo quy định về vệ sinh trường học. Các phòng học đều có hệ thống đèn, hệ thống quạt, tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học. Mỗi phòng được trang bị 12 bóng đèn tuýp 1,2m; 04 quạt trần; 1 tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.

Các phòng học được trang bị đầy đủ bảng, bàn ghế học sinh và bàn ghế giáo viên. Hàng năm nhà trường có đủ bàn ghế hai chỗ ngồi cho học sinh. Cụ thể;

+ Bàn ghế: 427 bộ bàn ghế HS (trong đó: Bàn ghế bán trú: 150 bộ; bàn ghế thông thường: 220); bàn ghế máy tính: 18 bộ; bàn ghế GV: 30 bộ .

+ Bảng lớp: 25

+ Máy chiếu: 26

+ 19 máy tính bảng và 01 bộ tủ sạc máy tính phòng học thông minh.

+ 20 máy tính bảng và 01 bộ tủ sạc máy tính phòng học trải nghiệm.

+ 18 máy tính phòng tin học.

+ Trang thiết bị thư viện.

+ Trang thiết bị 01 phòng học Tiếng Anh: máy tính, máy chiếu, bảng tương tác, máy chiếu hát, loa, mic, bộ trắc nghiệm của học sinh.

Khu sân chơi, thể dục thể thao:

=> Tổng diện tích toàn trường là: 13.173 m² (trong đó sân chơi có diện tích 9757m² và sân tập có diện tích 480m²)

Sân chơi cả 03 điểm trường đều có cây xanh bóng mát, an toàn cho học sinh. Sân tập luyện thể dục thể thao hiện chưa có mái che cho học sinh tập luyện trong các điều kiện thời tiết, chưa đạt điều kiện theo tiêu chuẩn đối với trường chuẩn QG mức độ 1.

Khối phục vụ sinh hoạt: Điểm trung tâm có 1 khu để xe cho giáo viên; 1 khu để xe cho học sinh; 01 khu nhà vệ sinh riêng của học sinh; 01 nhà vệ sinh học sinh ở tầng 2 khu nhà Hiệu bộ; 04 nhà vệ sinh giáo viên.

Hạ tầng kĩ thuật: hệ thống điện; mạng internet; hệ thống cấp nước, hệ thống chống sét; nhà xe của giáo viên và học sinh được đầu tư đầy đủ theo quy định. Riêng hệ thống phòng cháy chữa cháy chưa có bể nước chống cháy.

c) Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định: theo biểu đính kèm.

d) Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan

có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Stt	Môn	Tên sách	Tên bộ sách	Nhà xuất bản
Lớp 1				
1	Tiếng Việt	Tiếng Việt 1	Kết nối tri thức với cuộc sống	Giáo dục V.Nam
2	Toán	Toán 1	Cánh Diều	Đại học Sư phạm
3	Tự nhiên và Xã hội	Tự nhiên và Xã hội 1	Cánh Diều	Đại học Sư phạm
4	Đạo đức	Đạo đức 1	Kết nối tri thức với cuộc sống	Giáo dục V.Nam

5	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất 1	Cánh Diều	Đại học Sư phạm
6	Âm nhạc	Âm nhạc 1	Kết nối tri thức với cuộc sống	Giáo dục V.Nam
7	Mĩ thuật	Mĩ thuật 1	Cánh Diều	Đại học Sư phạm
8	Hoạt động trải nghiệm	Hoạt động trải nghiệm 1	Kết nối tri thức với cuộc sống	Giáo dục V.Nam
9	Tiếng Anh	Tiếng Anh 1	I-learn Smart Start	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh
Lớp 2				
1	Tiếng Việt	Tiếng Việt 2	Kết nối tri thức với cuộc sống	Giáo dục V.Nam
2	Toán	Toán 2	Cánh Diều	Đại học Sư phạm
3	Tự nhiên và Xã hội	Tự nhiên và Xã hội 2	Cánh Diều	Đại học Sư phạm
4	Đạo đức	Đạo đức 2	Kết nối tri thức với cuộc sống	Giáo dục V.Nam
5	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất 2	Cánh Diều	Đại học Sư phạm
6	Âm nhạc	Âm nhạc 2	Kết nối tri thức với cuộc sống	Giáo dục V.Nam
7	Mĩ thuật	Mĩ thuật 2	Cánh Diều	Đại học Sư phạm
8	Hoạt động trải nghiệm	Hoạt động trải nghiệm 2	Kết nối tri thức với cuộc sống	Giáo dục V.Nam
9	Tiếng Anh	Tiếng Anh 2	I-learn Smart Start	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh
Lớp 3				
1	Tiếng Việt	Tiếng Việt 3	Kết nối tri thức với cuộc sống	Giáo dục V.Nam
2	Toán	Toán 3	Cánh Diều	Đại học Sư phạm
3	Tự nhiên và Xã hội	Tự nhiên và Xã hội 3	Cánh Diều	Đại học Sư phạm
4	Đạo đức	Đạo đức 3	Kết nối tri thức với cuộc sống	Giáo dục V.Nam
5	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất 3	Cánh Diều	Đại học Sư phạm
6	Âm nhạc	Âm nhạc 3	Kết nối tri thức với cuộc sống	Giáo dục V.Nam
7	Mĩ thuật 3	Mĩ thuật 3	Cánh Diều	Đại học Sư phạm
8	Hoạt động trải nghiệm 3	Hoạt động trải nghiệm 3	Kết nối tri thức với cuộc sống	Giáo dục V.Nam
9	Tin học	Tin học 3	Cánh Diều	Đại học Sư phạm
10	Công nghệ	Công nghệ 3	Cánh Diều	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh
11	Tiếng Anh	Tiếng Anh 3	English Discovery	Đại học Sư phạm

Lớp 4				
1	Tiếng Việt	Tiếng Việt 4	Kết nối tri thức với cuộc sống	Giáo dục V.Nam
2	Toán	Toán 4	Cánh Diều	Đại học Sư phạm
3	Đạo đức 4	Đạo đức 4	Kết nối tri thức với cuộc sống	Giáo dục V.Nam
4	Lịch sử và Địa lí	Lịch sử và Địa lí 4	Cánh Diều	Đại học Sư phạm
5	Khoa học	Khoa học 4	Cánh Diều	Đại học Sư phạm
6	Tin học	Tin học 4	Cánh Diều	Đại học Sư phạm
7	Công nghệ	Công nghệ 4	Cánh Diều	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh
8	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất 4	Cánh Diều	Đại học Sư phạm
9	Âm nhạc	Âm nhạc 4	Kết nối tri thức với cuộc sống	Giáo dục V.Nam
10	Mĩ thuật	Mĩ thuật 4	Cánh Diều	Đại học Sư phạm
11	Hoạt động trải nghiệm	Hoạt động trải nghiệm 4	Kết nối tri thức với cuộc sống	Giáo dục V.Nam
12	Tiếng Anh	Tiếng Anh 4	English Discovery	Đại học Sư phạm
Lớp 5				
1	Toán	Toán 5	Cánh Diều	Đại học Sư phạm
2	Tiếng Việt	Tiếng Việt 5	Kết nối tri thức với cuộc sống	Giáo dục Việt Nam
3	Đạo đức	Đạo đức 5	Kết nối tri thức với cuộc sống	Giáo dục Việt Nam
4	Lịch sử và Địa lí	Lịch sử và Địa lí 5	Cánh Diều	Đại học Sư phạm
5	Khoa học	Khoa học 5	Cánh Diều	Đại học Sư phạm
6	Tin học	Tin học 5	Cánh Diều	Đại học Sư phạm
7	Công Nghệ	Công Nghệ 5	Cánh Diều	ĐHSP TP. Hồ Chí Minh
8	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất 5	Cánh Diều	Đại học Sư phạm
9	Âm nhạc	Âm nhạc 5	Kết nối tri thức với cuộc sống	Giáo dục Việt Nam
10	Mĩ thuật	Mĩ thuật 5	Cánh Diều	Đại học Sư phạm
11	Hoạt động trải nghiệm	Hoạt động trải nghiệm 5	Kết nối tri thức với cuộc sống	Giáo dục Việt Nam
12	Tiếng Anh	Tiếng Anh 5	Discovery	Đại học Sư phạm

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục:

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá: đạt mức độ 2

b) Năm 2025 nhà trường đăng kí đánh giá ngoài để được công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian: đạt kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 2; đạt trường Chuẩn Quốc gia mức độ 1.

V. KẾ HOẠCH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học:

- a) Kế hoạch tuyển sinh của cơ sở giáo dục, trong đó thể hiện rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan: Kế hoạch số 183/KH-THĐM ngày 02/6/2024 Kế hoạch tuyển sinh vào lớp 1 năm học 2024 - 2025.
- b) Kế hoạch giáo dục của cơ sở giáo dục: Kế hoạch số 239/KH-THĐM ngày 28/8/2024.
- c) Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh:
- Kế hoạch số 246/KHĐM ngày 28/8/2024 vv Phối hợp tuyên truyền, đảm bảo trật tự An toàn giao thông và phòng, chống ma túy- tệ nạn xã hội năm học 2024-2025.
 - Kế hoạch số 178/KH ĐM ngày 01/10/2024 Kế hoạch phối hợp tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2024.
 - Kế hoạch số 253/KHPH -THĐM-YTP ngày 04/9/2024 vv Phối hợp giữa trạm y tế và nhà trường trong công tác y tế trường học năm học 2024- 2025.
 - Kế hoạch số 245/KHPH -THĐM-CAP ngày 28/8/2024 vv Phối hợp thực hiện công tác an ninh trật tự trong nhà trường năm học 2024 - 2025.
 - Kế hoạch số 246a/KH-THĐM ngày 28/8/2024 vv Phối hợp giữa nhà trường với các tổ chức chính trị tại địa phương
- d) Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh ở cơ sở giáo dục:

- Các hoạt động ngoại khoá theo chủ điểm hàng tháng.
- Giao lưu học sinh năng khiếu Toán, Tiếng Việt 3,4,5 2 tháng/lần.

1. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước:

a) Kết quả tuyển sinh:

Tổng số trẻ tuyển sinh vào lớp 1: 151 em, trong đó:

- Số học sinh trong vùng tuyển sinh: 155 (đúng tuyển 151, tạm trú 04)
- Số học sinh chuyển đến: 04; Số học sinh chuyển đi: 29
- Học sinh lưu ban lại từ năm học 2023 - 2024: 01

Đảm bảo 100 số trẻ 6 tuổi trong địa bàn phường đã ra lớp

Tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường;

LỚP P	Tổng số		Nữ	Dân tộc		HS hoàn cảnh KK	Trong đó					
	Lớp	HS		HS	2 buổi/ngày			K.tập học hòa nhập				
					Lớp		HS	%	H S	S.lớp có HS	%	
1	5	133	51	1		8	5	133	100	2	2	100
2	5	146	70	2		7	5	146	100	3	3	100
3	4	116	61	1		6	4	116	100	2	2	100
4	5	165	75	1		9	5	165	100	2	2	100
5	5	151	74	3		10	5	151	100	7	7	100
+	24	711	331	8		40	24	711	100	16	16	100

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp;

**HỌC SINH ĐƯỢC DANH
GIÁ THEO TT27/2020/TT-
BGD&ĐT**

[illegible]

5. Khoa học	153													153	74	3	7
Hoàn thành tốt	124													124	67	2	2
Hoàn thành	29													29	7	1	5
Chưa hoàn thành																	
6. LS &ĐL	153													153	74	3	7
Hoàn thành tốt	129													129	66	3	2
Hoàn thành	24													24	8		5
Chưa hoàn thành																	
7. Nghệ thuật (Âm nhạc)	573	145	73	2	2	114	59	1	2	161	74	1	2	153	74	3	7
Hoàn thành tốt	276	78	43	1		62	40			75	44	1		61	43	1	
Hoàn thành	297	67	30	1	2	52	19	1	2	86	30		2	92	31	2	7
Chưa hoàn thành																	
8. Nghệ thuật (Mĩ thuật)	573	145	73	2	2	114	59	1	2	161	74	1	2	153	74	3	7
Hoàn thành tốt	278	81	45	1		60	37	1		73	42	1		64	46	1	
Hoàn thành	295	64	28	1	2	54	22		2	88	32		2	89	28	2	7
Chưa hoàn thành																	
9. Hoạt động trải nghiệm	573	145	73	2	2	114	59	1	2	161	74	1	2	153	74	3	7
Hoàn thành tốt	303	79	46	1		57	37	1		80	45	1		87	57	1	
Hoàn thành	269	65	27	1	2	57	22		2	81	29		2	66	17	2	7
Chưa hoàn thành	1	1															
10. Giáo dục thể chất	573	145	73	2	2	114	59	1	2	161	74	1	2	153	74	3	7
Hoàn thành tốt	285	82	45	1		63	37	1		78	45	1		62	43	1	
Hoàn thành	288	63	28	1	2	51	22		2	83	29		2	91	31	2	7
Chưa hoàn thành																	
11. TH-CN (Công nghệ)	314									161	74	1	2	153	74	3	7
Hoàn thành tốt	240									135	65	1	1	105	61	2	2
Hoàn thành	74									26	9		1	48	13	1	5
Chưa hoàn thành																	
12. TH-CN (Tin học)	314									161	74	1	2	153	74	3	7
Hoàn thành tốt	248									138	68	1		110	68	2	1
Hoàn thành	66									23	6		2	43	6	1	6
Chưa hoàn thành																	
13. Ngoại ngữ	314									161	74	1	2	153	74	3	7
Hoàn thành tốt	166									91	49	1	1	75	53	1	
Hoàn thành	148									70	25		1	78	21	2	7
Chưa hoàn thành																	
14. Tiếng dân tộc																	
Hoàn thành tốt																	
Hoàn thành																	
Chưa hoàn thành																	
II. Năng lực cốt lõi																	

Năng lực chung																	
Tự chủ và tự học	573	145	73	2	2	114	59	1	2	161	74	1	2	153	74	3	7
Tốt	282	77	45	1		58	38	1		75	43	1		72	51	1	
Đạt	289	67	28	1	2	56	21		2	86	31		2	80	23	2	7
Cần cố gắng	2	1												1			
Giao tiếp và hợp tác	573	145	73	2	2	114	59	1	2	161	74	1	2	153	74	3	7
Tốt	291	77	45	1		58	38	1		75	43	1		81	54	1	
Đạt	280	67	28	1	2	56	21		2	86	31		2	71	20	2	7
Cần cố gắng	2	1												1			
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	573	145	73	2	2	114	59	1	2	161	74	1	2	153	74	3	7
Tốt	285	77	45	1		58	38	1		75	43	1		75	52	1	
Đạt	286	67	28	1	2	56	21		2	86	31		2	77	22	2	7
Cần cố gắng	2	1												1			
Năng lực đặc thù																	
Ngôn ngữ	573	145	73	2	2	114	59	1	2	161	74	1	2	153	74	3	7
Tốt	287	76	45	1		60	40	1		87	49	1		64	46	1	
Đạt	282	68	28	1	2	52	19		2	74	25		2	88	28	2	7
Cần cố gắng	4	1				2								1			
Tính toán	573	145	73	2	2	114	59	1	2	161	74	1	2	153	74	3	7
Tốt	290	76	45	1		60	40	1		91	48	1		63	45	1	
Đạt	281	68	28	1	2	54	19		2	70	26		2	89	29	2	7
Cần cố gắng	2	1												1			
Tin học	314									161	74	1	2	153	74	3	7
Tốt	175									107	61	1		68	47	1	
Đạt	138									54	13		2	84	27	2	7
Cần cố gắng	1													1			
Công nghệ	314									161	74	1	2	153	74	3	7
Tốt	171									107	58	1		64	47	1	
Đạt	142									54	16		2	88	27	2	7
Cần cố gắng	1													1			
Khoa học	573	145	73	2	2	114	59	1	2	161	74	1	2	153	74	3	7
Tốt	279	76	45	1		60	40	1		79	45	1		64	47	1	
Đạt	292	68	28	1	2	54	19		2	82	29		2	88	27	2	7
Cần cố gắng	2	1												1			
Thẩm mỹ	573	145	73	2	2	114	59	1	2	161	74	1	2	153	74	3	7
Tốt	288	76	45	1		63	40	1		77	44	1		72	48	1	
Đạt	283	68	28	1	2	51	19		2	84	30		2	80	26	2	7
Cần cố gắng	2	1												1			
Thể chất	573	145	73	2	2	114	59	1	2	161	74	1	2	153	74	3	7
Tốt	292	77	45	1		63	40	1		79	46	1		73	47	1	
Đạt	279	67	28	1	2	51	19		2	82	28		2	79	27	2	7
Cần cố gắng	2	1												1			

III. Phẩm chất chủ yếu																	
Yêu nước	573	145	73	2	2	114	59	1	2	161	74	1	2	153	74	3	7
Tốt	303	76	45	1		58	38	1		81	45	1		88	58	1	
Đạt	269	69	28	1	2	56	21		2	80	29		2	64	16	2	7
Cần cố gắng	1													1			
Nhân ái	573	145	73	2	2	114	59	1	2	161	74	1	2	153	74	3	7
Tốt	290	76	45	1		58	38	1		81	45	1		75	52	1	
Đạt	282	69	28	1	2	56	21		2	80	29		2	77	22	2	7
Cần cố gắng	1													1			
Chăm chỉ	573	145	73	2	2	114	59	1	2	161	74	1	2	153	74	3	7
Tốt	283	76	45	1		58	38	1		81	45	1		68	48	1	
Đạt	289	69	28	1	2	56	21		2	80	29		2	84	26	2	7
Cần cố gắng	1													1			
Trung thực	573	145	73	2	2	114	59	1	2	161	74	1	2	153	74	3	7
Tốt	287	76	45	1		58	38	1		81	45	1		72	50	1	
Đạt	285	69	28	1	2	56	21		2	80	29		2	80	24	2	7
Cần cố gắng	1													1			
Trách nhiệm	573	145	73	2	2	114	59	1	2	161	74	1	2	153	74	3	7
Tốt	292	76	45	1		58	38	1		81	45	1		77	50	1	
Đạt	280	69	28	1	2	56	21		2	80	29		2	75	24	2	7
Cần cố gắng	1													1			
IV. Đánh giá KQGD	573	145	73	2	2	114	59	1	2	161	74	1	2	153	74	3	7
- Hoàn thành xuất	151	57	33	1		32	22			38	24	1		24	20	1	
- Hoàn thành tốt	104	15	10			21	14			34	18			34	22		
- Hoàn thành	314	72	30	1	2	59	23	1	2	89	32		2	94	32	2	7
- Chưa hoàn thành	4	1				2								1			
V. Khen thưởng	262	72	43	1		53	36			75	45	1		62	44	2	
- Giấy khen cấp trường	255	72	43	1		53	36			72	42	1		58	42	1	
- Giấy khen cấp trên	7									3	3			4	2	1	
VI. HSDT được trợ giảng																	
VII. HS.K.Tật	13	2	1		2	2	2		2	2	1		2	7	2		7
IX. Chương trình lớp học	573	145	73	2	2	114	59	1	2	161	74	1	2	153	74	3	7
Hoàn thành	569	144	73	2	2	112	59	1	2	161	74	1	2	152	74	3	7
Chưa hoàn thành	4	1				2								1			

HỌC SINH ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ THEO TT22/2016/TT-BGD&ĐT

	Sĩ số	Tổng số HS có	Lớp 5	
			Tổng số HS	Trong tổng số

		KQĐG	có KQĐ G	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Khuyết tật
I. Kết quả học tập							
1. Tiếng Việt	149	149	149	86	2	1	5
Hoàn thành tốt		54	54	38			
Hoàn thành		95	95	48	2	1	5
Chưa hoàn thành							
2. Toán	149	149	149	86	2	1	5
Hoàn thành tốt		57	57	39			
Hoàn thành		92	92	47	2	1	5
Chưa hoàn thành							
3. Đạo đức	149	149	149	86	2	1	5
Hoàn thành tốt		74	74	50			
Hoàn thành		75	75	36	2	1	5
Chưa hoàn thành							
4. Khoa học	149	149	149	86	2	1	5
Hoàn thành tốt		74	74	47	2	1	
Hoàn thành		75	75	39			5
Chưa hoàn thành							
5. LS &ĐL	149	149	149	86	2	1	5
Hoàn thành tốt		73	73	50			
Hoàn thành		76	76	36	2	1	5
Chưa hoàn thành							
6. Âm nhạc	149	149	149	86	2	1	5
Hoàn thành tốt		60	60	38			
Hoàn thành		89	89	48	2	1	5
Chưa hoàn thành							
7. Mĩ thuật	149	149	149	86	2	1	5
Hoàn thành tốt		62	62	42			1
Hoàn thành		87	87	44	2	1	4
Chưa hoàn thành							
8. Thủ công, Kỹ thuật	149	149	149	86	2	1	5
Hoàn thành tốt		79	79	50			
Hoàn thành		70	70	36	2	1	5
Chưa hoàn thành							
9. Thể dục	149	149	149	86	2	1	5
Hoàn thành tốt		75	75	48	1	1	
Hoàn thành		74	74	38	1		5
Chưa hoàn thành							
10. Ngoại ngữ	149	149	149	86	2	1	5
Hoàn thành tốt		57	57	43			
Hoàn thành		92	92	43	2	1	5
Chưa hoàn thành							

11. Tin học	149	126	126	76	2	1	4
Hoàn thành tốt		49	49	32			
Hoàn thành		77	77	44	2	1	4
Chưa hoàn thành							
12. Tiếng dân tộc	149						
Hoàn thành tốt							
Hoàn thành							
Chưa hoàn thành							
II. Năng lực							
Tự phục vụ tự quản	149	149	149	86	2	1	5
Tốt		75	75	52	1	1	
Đạt		74	74	34	1		5
Cần cố gắng							
Hợp tác	149	149	149	86	2	1	5
Tốt		79	79	54	1	1	
Đạt		70	70	32	1		5
Cần cố gắng							
Tự học và giải quyết vấn đề	149	149	149	86	2	1	5
Tốt		80	80	52	2	1	
Đạt		69	69	34			5
Cần cố gắng							
III. Phẩm chất							
Chăm học chăm làm	149	149	149	86	2	1	5
Tốt		77	77	50	1	1	
Đạt		72	72	36	1		5
Cần cố gắng							
Tự tin trách nhiệm	149	149	149	86	2	1	5
Tốt		78	78	50	2	1	
Đạt		71	71	36			5
Cần cố gắng							
Trung thực kỷ luật	149	149	149	86	2	1	5
Tốt		86	86	58	1	1	
Đạt		63	63	28	1		5
Cần cố gắng							
Đoàn kết yêu thương	149	149	149	86	2	1	5
Tốt		84	84	57	1	1	
Đạt		65	65	29	1		5
Cần cố gắng							
IV. Khen thưởng		78	78	52	1	1	
- Giấy khen cấp trường		66	66	43	1	1	
- Giấy khen cấp trên		12	12	9			
V. HSDT được trợ giảng							

VI. HS.K.Tật		5	5	5			5
VII. HS bỏ học kỳ II							
+ Hoàn cảnh GDKK							
+ KK trong học tập							
+ Xa trường, đi lại K.khẩn							
+ Thiên tai, dịch bệnh							
+ Nguyên nhân khác							
VIII. Chương trình lớp học	149	149	149	86	2	1	5
Hoàn thành	149	149	149	86	2	1	5
Chưa hoàn thành							

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học; kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác) và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác); (Đính kèm biểu)

b) Các khoản chi phân theo: Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...); chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...); chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...); chi khác. (Đính kèm biểu)

2. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học. (Đính kèm biểu)

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Về triển khai nhiệm vụ năm học và quy chế chuyên môn

1.1. *Xây dựng kế hoạch môn học, hoạt động giáo dục và kế hoạch giáo dục nhà trường*

Nhà trường đã chỉ đạo tổ/nhóm chuyên môn bám sát vào Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018; xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường, kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục và kế hoạch bài dạy theo Công văn số 1874/SGDĐT-GDPT ngày 05/7/2021 của Sở GDĐT về việc thực hiện xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường cấp tiểu học từ năm học 2021-2022. Công văn số 584/PGDĐT-CMTH ngày 19/7/2021 của Phòng GDĐT v/v thực hiện xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường cấp tiểu học năm học 2021 - 2022 xong và ban hành trước ngày 05/9/2024.

Tổ (nhóm) chủ động, linh hoạt sắp xếp các mạch nội dung bài học theo định hướng trong sách giáo khoa đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của

học sinh. Xây dựng kế hoạch giáo dục môn học. Sau khi tổ (nhóm) chuyên môn xây dựng kế hoạch giáo dục môn học, hội đồng trường chủ trì tổng hợp, thẩm định kế hoạch giáo dục các môn học và hoạt động giáo dục của các tổ, nhóm chuyên môn để xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường; ban hành quyết định phê duyệt kế hoạch giáo dục nhà trường theo năm học.

Nhà trường đã có sự điều chỉnh linh hoạt kế hoạch giáo dục nhà trường đáp ứng các yêu cầu dạy học lồng ghép, tích hợp trong năm học theo chỉ đạo của ngành.

1.2. Chỉ đạo tổ, nhóm chuyên môn trong thực hiện chương trình GDPT 2018.

Chỉ đạo tổ, nhóm chuyên môn nghiên cứu chương trình, SGK các môn học và hoạt động giáo dục, thống nhất thực hiện chương trình, cách soạn giảng phù hợp thực tế nhà trường và trình độ học sinh. Tổ chức dạy mẫu các dạng bài, các môn học cho giáo viên dự giờ, chia sẻ, rút kinh nghiệm. Xây dựng kế hoạch luyện giảng cho 100% giáo viên dạy lớp 5 trong tháng 9. Tập trung luyện giảng thống nhất phương pháp, quy trình, kỹ thuật dạy học ở tất cả các môn học và Hoạt động giáo dục đối với lớp 5 về cách khai thác, sử dụng đồ dùng dạy học, học liệu điện tử; xây dựng hệ thống câu hỏi, phương pháp và hình thức tổ chức các hoạt động sao cho phát huy tốt nhất các năng lực, phẩm chất của học sinh. Tăng cường tập trung xây dựng những tiết chuyên đề đối với các môn học và HĐGD lớp 5. Các chuyên đề tập trung vào phương pháp dạy học, cách sử dụng đồ dùng dạy học, học liệu điện tử để phát huy tính tích cực, chủ động cho học sinh, nhằm phát triển năng lực, phẩm chất cho học sinh dựa trên định hướng SGK và SGV.

1.3. Chỉ đạo, quản lý giáo viên thực hiện đầy đủ hồ sơ, sổ sách, soạn và giảng dạy.

Chỉ đạo đội ngũ giáo viên nghiên cứu kỹ nội dung bài học, dựa vào quyết định phê duyệt của nhà trường về kế hoạch môn học và hoạt động giáo dục thiết kế bài học đảm bảo về mặt hình thức (đúng khung, mục quy định được đã thống nhất chung trong toàn thị xã). KĐMi thác tối đa học liệu điện tử, kết hợp với những đồ dùng dạy học sẵn có, đơn giản, dễ làm, dễ kiếm nhưng đảm bảo tính thẩm mỹ, tính sư phạm để giảng dạy HS. Quan tâm mọi đối tượng học sinh trong lớp, uốn nắn, sửa sai, động viên khích lệ kịp thời. Đặc biệt kèm cặp kiến thức cho học sinh vào các buổi học 2, không giao thêm bài tập cho học sinh về nhà để gây áp lực cho học sinh và phụ huynh nhưng khuyến khích phụ huynh học sinh tạo thói quen cho các em có sự chuẩn bị bài, sách vở học tập đầy đủ trước khi đến lớp.

Ban giám hiệu cùng đội ngũ cốt cán bố trí sắp xếp dự giờ, thăm lớp nhằm mục đích tư vấn các tiết dạy của từng môn học và HĐGD cho từng GV. Ở một số thời điểm nhất định, tiến hành khảo sát chất lượng học sinh các khối lớp để có biện pháp chỉ đạo kịp thời..

1.4. Việc quản lý điểm, đánh giá xếp loại học sinh;

Chỉ đạo đánh giá học sinh tiểu học theo Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT.

Chỉ đạo đội ngũ giáo viên đánh giá thường xuyên quá trình học tập của các em, khen ngợi động viên học sinh kịp thời, Đối với lớp 1, đầu năm học vốn từ và

chữ viết còn hạn chế vì vậy giáo viên dùng lời để nhận xét, đánh giá học sinh. Chỉ rõ cho học sinh chỗ đúng, chỗ chưa đúng và cách sửa chữa. Ngoài ra giáo viên có thể linh hoạt, sáng tạo trong cách động viên, tuyên dương học sinh để động viên, khích lệ, khuyến khích các em học tập có tiến bộ hơn đồng thời có thông tin phản hồi giúp giáo viên điều chỉnh quá trình dạy học.

2. Thực hiện chương trình giáo dục

2.1. Thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục:

Thực hiện Khung kế hoạch thời gian năm học 2024 - 2025 theo đúng chỉ đạo của Phòng GD&ĐT. Tổ chức kiểm tra Học kì 1 từ ngày 26 đến 30/12/2024, đánh giá, xếp loại học sinh đảm bảo đúng quy định.

2.2. Dạy học ngoại ngữ, tin học

Triển khai dạy học Tin học cho học sinh lớp 3,4,5.

Môn Tin học 3;4;5 = 432 học sinh = 100%. Công nghệ 3,4,5 = 432 học sinh = 100%

Triển khai dạy học Ngoại ngữ cho học sinh lớp 3,4,5.

Môn Ngoại ngữ 3;4;5 = 432 học sinh = 100%.

Triển khai chương trình Tiếng anh tự chọn cho học sinh lớp 1,2; 279/279 = 100% HS.

Thực hiện giáo dục đối với trẻ khuyết tật:

Tổng số học sinh khuyết tật học hòa nhập: 16 học sinh.

Nhà trường thực hiện tốt việc điều chỉnh chương trình phù hợp với học sinh khuyết tật học hòa nhập; đảm bảo Phụ cấp ưu đãi cho giáo viên trực tiếp giảng dạy người khuyết tật được quy định tại khoản 2, Điều 7 của Nghị định số 28/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ theo hướng dẫn tại công văn số 184/SGD&ĐT-GDTrH ngày 5/8/2016 của Sở GD&ĐT.

2.3. Dạy và học 2 buổi/ngày:

- Tổng số lớp được học 2 buổi/ngày (32 tiết/tuần): 24/24 lớp đạt 100%.

- Thực hiện nghiêm túc các quy định về tổ chức dạy học 2 buổi/ngày.

3. Thực hiện đổi mới đánh giá học sinh tiểu học; đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học; tổ chức các hoạt động phát triển năng lực học sinh

3.1. Đổi mới đánh giá học sinh tiểu học:

Thực hiện đổi mới đánh giá theo Thông tư 28/2020/TT-BGD&ĐT; tiếp tục triển khai thực hiện sổ điểm điện tử và quản lý học sinh qua phần mềm trực tuyến.

Thực hiện nghiêm túc các quy định về tổ chức kiểm tra định kì, ra đề kiểm tra định kì theo ma trận trong kì kiểm tra GKI và CKI.

3.2. Đổi mới phương pháp dạy học:

Nhà trường tiếp tục thực hiện chuyên đổi số, đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy, phương pháp học theo hướng phát huy năng lực phẩm chất cho học sinh. Áp

dụng những thành tố tích cực của các mô hình, phương thức giáo dục tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục.

Khai thác các kho học liệu điện tử trong quá trình dạy học. Trong HKI, chỉ đạo các tổ chuyên môn thực hiện các chuyên đề dạy học nâng cao năng lực, phẩm chất cho học sinh.

3.3. Đa dạng hóa các hình thức tổ chức dạy học, gắn giáo dục nhà trường với thực tiễn cuộc sống

Triển khai thực hiện các nhiệm vụ về công tác học sinh sinh viên theo chỉ đạo của Phòng GDĐT, công tác Đội Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh và Sao Nhi đồng theo hướng dẫn của Hội đồng Đội thị xã.

Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, sách báo, tài liệu tham khảo để xây dựng và sử dụng hiệu quả thư viện; tổ chức các hoạt động giáo dục tại thư viện nhằm phát huy tốt công năng của thư viện và phát triển văn hóa đọc cho học sinh, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học trong các cơ sở giáo dục.

3.4. Tổ chức các hoạt động phát triển năng lực, phẩm chất học sinh

Tháng 10 và tháng 12 tổ chức các hoạt động giao lưu, học sinh năng khiếu nhằm phát triển năng lực học sinh trên tinh thần tự nguyện tham gia của học sinh.

4. Phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục tiểu học

Triển khai công tác bồi dưỡng thường xuyên cán bộ quản lý, giáo viên đảm bảo cho tất cả các cán bộ, giáo viên đều tham gia bồi dưỡng thường xuyên đồng thời 100% CBGV tham gia chương trình bồi dưỡng của Đại học Hạ Long theo quy định.

Tổ chức hiệu quả sinh hoạt chuyên môn tại các tổ, khối chuyên môn trong trường; chú trọng đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt chuyên môn thông qua hoạt động dự giờ, nghiên cứu bài học; tham gia hiệu quả các chuyên đề cụm trường và thị xã.

Thực hiện tốt công tác kiểm tra nội bộ theo kế hoạch đã đề ra đảm bảo 100% cán bộ, giáo viên đều được kiểm tra, quan tâm đến kiểm tra công tác quản lý, sử dụng thiết bị, đồ dùng dạy học.

Giáo viên tham gia thi GVG:

- GVCNG cấp trường: 24/24
- GVG cấp thị xã: 08
- GVG cấp tỉnh: 02

Danh hiệu thi đua:

- Lao động tiên tiến: 40/40
- Chiến sĩ thi đua cơ sở: 08
- Giấy khen của Sở GD&ĐT: 01
- Giấy khen của UBND thị xã: 01

5. Sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, sách giáo khoa và tài liệu tĐMm khảo, thiết bị dạy học

Sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí từ ngân sách Nhà nước để tăng cường đầu tư cơ sở vật chất; thực hiện nghiêm túc việc bảo quản và sử dụng cơ sở vật chất một cách hiệu quả, tránh lãng phí, xuống cấp. các lớp học có sổ theo dõi và cập nhật hàng ngày tình trạng thiết bị, đồ dùng được cấp.

Thực hiện nghiêm túc các quy định về việc sử dụng sách giáo khoa, tài liệu tĐMm khảo, bảo đảm ngay từ khi bước vào năm học mới, tất cả học sinh đều có đủ sách giáo khoa của các môn học, hoạt động giáo dục theo quy định của Bộ GDĐT.

Sử dụng phòng học Tin học đối với 100% các tiết học Tin học của học sinh khối lớp 3,4,5.

Nhà trường bố trí lịch đọc cho học sinh tất cả các lớp từ khối 1 đến khối 5 đảm bảo tối thiểu mỗi học sinh được đọc sách trong thư viện 1 tuần 1 lần. Ngoài bố trí lịch đọc cho học sinh, giáo viên nhà trường cũng tham gia tích cực phong trào đọc sách và hướng dẫn học sinh lớp mình đọc sách.

Bàn ghế, bảng đảm bảo đáp ứng đầy đủ về số lượng và chất lượng phục vụ nhu cầu học tập của học sinh.

Sau bão Yagi, nhà trường cơ bản đã khắc phục những thiệt hại về phòng học, nhà để xe GV&HS, nhà ăn. Hiện còn một số ô cửa sổ chưa sửa chữa được.

6. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và quản lý giáo dục.

Nhà trường thành lập Tổ CNTT, chuyển đổi số trường học do đồng chí Hiệu trưởng làm trưởng ban; đ/c Hiệu phó làm Phó trưởng ban; các đ/c giáo viên phụ trách công nghệ thông tin và nhân viên làm ủy viên; có xây dựng quy chế Quản lý và sử dụng số sách điện tử.

- Tăng cường khai thác sử dụng các Hệ thống thư điện tử tên miền “moet.edu.vn”; 100% cán bộ giáo viên trong nhà trường được cấp và sử dụng trong công việc. Sử dụng hiệu quả các phần mềm quản lý tài chính, kế toán (MISA); quản lý nhân sự (EPMIS); phần mềm quản lý điểm trực tuyến (SMAS); quản lý tiểu học (EQMS); học bạ điện tử.

7. Đẩy mạnh công tác truyền thông chuyển đổi số trong giáo dục

Tiếp tục đẩy mạnh công tác truyền thông, quán triệt sâu sắc các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, Chính phủ và của ngành về đổi mới và phát triển giáo dục. Tuyên truyền những kết quả đạt được để phụ huynh và nhân dân hiểu và chia sẻ, đồng thuận với các chủ trương của nhà trường;

Quán triệt đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên trong việc sử dụng các trang mạng xã hội. Tối ưu hóa hiệu quả sử dụng của website nhà trường trong công tác tuyên truyền, phối hợp với cha mẹ học sinh và các lực lượng xã hội.

8. Công tác quản lý dạy thêm, học thêm.

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và tổ chức cho giáo viên cam kết thực hiện nghiêm túc: 100% cán bộ, giáo viên không tổ chức dạy thêm ngoài nhà trường. Kí cam kết không học thêm đến từng lớp và hội phụ huynh. Hiện tại chưa phát hiện

được bất cứ trường hợp nào vi phạm về dạy thêm học thêm.

9. Thực hiện chế độ chính sách nhà giáo và quản lý GD.

Nhà trường thực hiện đảm bảo đầy đủ, kịp thời chế độ chính sách cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, học sinh.

10. Việc triển khai nhiệm vụ GD chính trị; công tác học sinh sinh viên; ngoại khóa GD thể chất, thể thao và y tế trường học.

10.1. Công tác công tác giáo dục chính trị:

- Nhà trường đã triển khai đầy đủ các văn bản chỉ đạo của cấp trên tới toàn thể CBGVNV và học sinh. Tích cực tuyên truyền, triển khai học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

- Đánh giá xếp loại đảng viên cuối năm: 21/21 đảng viên HTT nhiệm vụ trong đó có 04 đảng viên HTXS NV; Chi bộ HTXS nhiệm vụ.

- Tuyên truyền những chủ trương chính sách mới của Đảng và nhà nước tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, người lao động và học sinh, phụ huynh.

10.2. Công tác đảm bảo an ninh trật tự và an toàn trong nhà trường:

- Ngay từ đầu năm học nhà trường đã xây dựng các kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học. Nhà trường có giấy chứng nhận đảm bảo an toàn an ninh trường học của cấp có thẩm quyền.

- Nhà trường có kế hoạch phối hợp với công an phường Đông Mai; Đảng ủy- UBND phường, Đoàn TN phường trong công tác giữ gìn an ninh trật tự trong và ngoài nhà trường.

- Nhà trường thường xuyên kiểm tra CSVC như tỉa cây, làm lại hệ thống điện-nước; tu bổ cảnh quan lớp học... để đảm bảo an toàn cho CBGV, NV và HS. Thực hiện đầy đủ pháp lệnh phòng cháy - chữa cháy, bổ sung các trang thiết bị PCCC không để xảy ra cháy nổ; không để xảy ra tai nạn nghiêm trọng trong học tập và lao động. Không có trường hợp học sinh gây gỗ đánh nhau, có hành động bạo lực trong nhà trường; không có trường hợp cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh mắc các tệ nạn xã hội..

Khuôn viên trường luôn sạch sẽ, không chôn thả gia súc, đảm bảo môi trường sạch đẹp, an toàn. Đường đi, sân trường bằng phẳng, không trơn trượt, mấp mô. Ban công và cầu thang có tay vịn, lan can chắc chắn.

10.3. Công tác thực hiện An toàn giao thông.

- Ngay từ đầu năm học, nhà trường đã triển khai kí cam kết thực hiện An toàn giao thông đối với 100% HS.

- Tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức về xây dựng trường học an toàn về an ninh trật tự như: Tờ rơi, băng rôn, khẩu hiệu, hội thi, qua các tiết chào cờ để tuyên truyền trong toàn thể CBGV và HS về ATGT. Tổ chức hoạt động ngoại khóa bằng các hình thức sân khấu hóa để tìm hiểu về ATGT.

- Tổ chức ngoại khóa chủ đề ATGT cho toàn thể HS

10.4. Công tác giáo dục thể chất, thể thao.

- Duy trì và phát triển các môn thể thao tại trường, tạo điều kiện cho HS được tham gia tập luyện và giao lưu, thi đấu các giải thể thao do ngành và địa phương tổ chức như đá bóng thiếu nhi. Tham gia giải bơi học sinh phổ thông cấp thị xã đạt 1 giải Ba.

11.5. Công tác y tế trường học

- Kết hợp với y tế phường khám sức khỏe định kì, tẩy giun, tiêm phòng cho HS; có sổ theo dõi sức khỏe chặt chẽ theo quy định. Trong tháng 10/2024 nhà trường phối hợp với trạm y tế phường khám sức khỏe lần 1 cho học sinh.

- Xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể và dự toán chi cho công tác y tế trường học theo đúng Hướng dẫn sử dụng kinh phí thực hiện công tác y tế trong các trường học. Phòng y tế được trang bị đầy đủ cơ sở vật chất thiết bị theo quy định: có tủ thuốc với các loại thuốc thông thường, có dụng cụ sơ cấp cứu, cân kiểm tra sức khỏe hàng tháng.

- Tổ chức thực hiện các quy định về vệ sinh trường học, vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm; xây dựng trường học xanh, sạch, đẹp. Phòng chống tác hại của thuốc lá, rượu, bia; các dịch, bệnh, tật trong trường học. Tăng cường các biện pháp nhằm đẩy mạnh công tác phòng tránh tai nạn thương tích, giảm nhẹ thảm họa thiên tai và biến đổi khí hậu. Tích cực tuyên truyền việc phòng chống các dịch bệnh theo mùa.

- Duy trì và thực hiện phong trào Ngày môi trường quét dọn khu vực xung quanh cổng trường vào thứ 6 hàng tuần với sự tham gia của tập thể CBGV, NV và HS khối 3,4;5.

10.6. Tổ chức các hoạt động tập thể, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp

Nhà trường quan tâm giáo dục học sinh các kỹ năng như: An toàn giao thông, tự phục vụ, giao tiếp, phòng chống tai nạn thương tích, phòng tránh đuối nước, giao tiếp nơi công cộng, tự bảo vệ, hợp tác, vệ sinh môi trường.. Tích cực đẩy mạnh các hoạt động tập thể, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động ngoại khóa thông qua việc tổ chức hoạt động trải nghiệm, thể dục thể thao, văn nghệ cho học sinh:

Tổ chức Hội thi trang trí lớp học, thiết kế video về thầy cô và mái trường nhân ngày 20/11. Tổ chức các hoạt động ngoại khóa: tưởng niệm nạn nhân ATGT, phòng chống HIV, kỹ năng tham gia giao thông. Tổ chức các hoạt động tuyên truyền phòng chống dịch bệnh, tuyên truyền sách và văn hóa đọc dưới hình thức sinh hoạt dưới cờ hàng tuần và phát thanh măng non. Tổ chức các hoạt động trải nghiệm: Theo dấu chân người lính cho học sinh toàn trường.

Tổ chức thăm và tặng quà cho học sinh nghèo, học sinh có hoàn cảnh đặc biệt:

STT	SỐ HS	Nội dung tặng	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
1	5 HS	Nhận quà từ Hội chữ thập đỏ phường Đông Mai	1.000.000đ	Khai giảng năm học mới

2	10 HS	Nhận quà tết Trung thu năm 2024 của quỹ Phụ huynh	2.000.000đ	Tết Trung thu
3	5 HS	Nhận quà tết Trung thu năm 2024 của Liên đội	1.000.000đ	
4	50 HS	Nhận quà tết Trung thu năm 2024 của Liên đoàn lao động TX Quảng Yên	10.000.000đ	
5	2 HS	Nhận học bổng - Sở LĐTBOXH tỉnh Quảng Ninh	2.000.000đ	
6	619 HS	Mua tắm Hội người mù thị xã QY	6.910.000đ	
7	3 HS	Nhận đồ dùng học tập: 01 Ba lô Ladoda, 01 hộp chì 24 màu Hồng Hà, 01 ví bút, 01 thước kẻ dẻo 20cm, 01 tẩy kháng khuẩn HH, 01 bút chì, 01 gọt chì HH, 10 vở HH 80 trang	Không biết giá trị suất quà	
8	3 HS	Nhận góc học tập do CLB bóng chuyền hơi khu Mai Hòa	Không biết giá trị suất quà	
Cộng			21.910.000đ	

Trên đây là báo cáo công khai thường niên năm 2024 của Trường tiểu học Đông Mai. Báo cáo này được công khai trên Website và được niêm yết tại bảng tin của nhà trường theo quy định.

Nơi nhận:

- UBND phường (để: b/cáo);
- CB, GV, NV (để: t/hiện);
- Lưu: VT ./.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Quảng Trang

